

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 tại Tờ trình số 02/TTr-HĐTD ngày 19 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Khôi các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

XẾP HẠNG	TÊN CƠ QUAN	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học		Tổng điểm đạt được	CHỈ SỐ CCHC (%)
			Khảo sát ĐB HĐND tỉnh; CBCCVC lãnh đạo	Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức		
1	Sở Nội vụ	59,30	6,56	29,21	95,07	95,07%
2	Sở Tư pháp	57,94	5,85	29,80	93,59	94,54%

XẾP HẠNG	TÊN CƠ QUAN	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học		Tổng điểm đạt được	CHỈ SỐ CCHC (%)
			Khảo sát ĐB HĐND tỉnh; CBCCVV lãnh đạo	Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức		
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	41,50	6,86	-	48,36	93,00%
4	Sở Thông tin và Truyền thông	57,37	5,99	29,39	92,75	92,75%
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	55,66	5,74	29,21	90,61	91,53%
6	Sở Công Thương	56,33	6,01	28,07	90,41	91,32%
7	Sở Xây dựng	57,76	5,89	26,71	90,36	91,27%
8	Sở Tài chính	56,90	6,71	25,82	89,43	91,26%
9	Sở Ngoại vụ	56,00	5,71	-	61,71	90,75%
10	Sở Giao thông vận tải	55,66	5,86	26,72	90,32	90,32%
11	Sở Khoa học và Công nghệ	55,18	5,74	28,27	89,18	89,19%
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	55,91	6,44	25,13	87,48	88,36%
13	Sở Văn hóa và Thể thao	54,34	5,64	28,06	88,04	88,04%
14	Sở Du lịch	53,46	5,64	27,09	86,19	87,95%
15	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	55,89	5,86	26,13	87,88	87,88%
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	55,33	5,80	25,53	86,66	86,66%
17	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	55,83	5,63	25,12	86,58	86,58%
18	Thanh tra tỉnh	37,97	6,09	-	44,06	84,73%
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	53,74	5,85	24,58	84,17	84,17%
20	Sở Y tế	52,28	5,75	26,13	84,16	84,16%
21	Ban Dân tộc tỉnh	37,38	5,64	-	43,02	82,73%
Giá trị trung bình						89,16%

2. Khối Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

XẾP HẠNG	UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học		Tổng điểm đạt được	CHỈ SỐ CCHC (%)
			Khảo sát ĐB HĐND; CBCCVC lãnh đạo	Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức		
1	Hoài Nhơn	55,46	6,67	26,28	88,41	88,41%
2	Hoài Ân	53,53	6,39	25,35	85,27	85,27%
3	An Lão	51,66	5,99	27,45	85,10	85,10%
4	Vĩnh Thạnh	51,79	6,00	28,49	84,28	84,28%
5	Vân Canh	48,93	5,27	28,30	82,50	82,50%
6	Quy Nhơn	51,30	6,50	24,14	81,94	81,94%
7	An Nhơn	48,54	7,26	24,73	80,53	80,53%
8	Tây Sơn	46,91	5,60	26,42	78,93	78,93%
9	Phù Cát	46,95	5,88	26,09	78,92	78,92%
10	Tuy Phước	46,78	5,82	23,43	76,03	76,03%
11	Phù Mỹ	43,87	6,10	26,05	76,02	76,02%
Giá trị trung bình						81,63%

3. Khối các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

XẾP HẠNG	TÊN CƠ QUAN	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học		Tổng điểm đạt được	CHỈ SỐ CCHC (%)
			Khảo sát ĐB HĐND tỉnh; CBCCVC lãnh đạo	Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức		
1	Kho bạc Nhà nước tỉnh	24,23	14,63	43,37	82,23	82,23%
2	Cục Thuế tỉnh	25,35	15,83	40,07	81,25	81,25%
3	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	23,48	14,73	42,91	81,12	81,12%
4	Bảo hiểm xã hội tỉnh	24,47	15,70	40,59	80,76	80,76%
5	Cục Hải quan tỉnh	24,16	14,30	37,17	75,63	75,63%
Giá trị trung bình						80,20%

(Phụ lục kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm:

1. Căn cứ nội dung Quyết định này, phê duyệt Báo cáo đánh giá kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022. Trên cơ sở đó, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm nâng cao kết quả, chất lượng công tác cải cách hành chính trong thời gian tới. Thời gian hoàn thành trước ngày 15 tháng 02 năm 2023.

2. Tham mưu, đề xuất việc đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022 của Người đứng đầu các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Thời gian hoàn thành trước ngày 10 tháng 02 năm 2023.

Điều 3. Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm về kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của cơ quan, đơn vị mình và có giải pháp khắc phục, cải thiện, nâng cao kết quả trong các năm tiếp theo.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ Cải cách hành chính (Bộ Nội vụ);
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tổng cục Hải quan;
- Tổng cục Thuế;
- Kho bạc Nhà nước;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- ĐUK các cơ quan tỉnh;
- TT các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Đài PT và TH tỉnh, Báo Bình Định;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC, BTCD, QTTV;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang